

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 24-5-2024

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Thuận.

2. Bà Nguyễn Thị Diễm Chi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 10/4/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị L, sinh năm 1956 (có mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện T, Bình Định.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1978 (có mặt)

Trú tại: Thôn S, xã A, huyện T, Bình Định

- **Những người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Ngô Thị X, sinh năm 1958 (có mặt).

Trú tại: Thôn M, xã B, T, Bình Định.

+ Bà Đào Huỳnh Nữ H, sinh 1981 (có mặt); anh Phan Quốc H1 (vắng)

+ Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện T, Bình Định.

- **Người làm chứng:**

+ Ông Phan Trường D (vắng mặt); địa chỉ: Thôn Đ, xã M, thị xã A, Bình Định.

+ Bà Tạ Thị L1, bà Nguyễn Thị H2, bà Phan Thị M - (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện T, Bình Định.

+ Bà Huỳnh Thị S (vắng mặt); địa chỉ: Thôn TĐ, xã H, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày: bà và ông Nguyễn Ngọc M là chị em cùng khác cha, cùng mẹ Nguyễn Thị N. Bà N có 03 người con là bà, bà Ngô Thị X và Ngô Văn C (chết năm 13 tuổi). Ngoài con riêng là ông M ra thì mẹ không có con nuôi, con riêng nào khác. Ông bà nội, ông bà ngoại đã chết. Cha mẹ chết không có để lại di chúc gì.

Thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ gia đình hộ gia đình bà Nguyễn Thị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 04 thửa đất: 03 thửa đất lúa (thửa số 208, tờ bản đồ số 12, diện tích 384m²; thửa số 184, tờ bản đồ số 12, diện tích 707m²; thửa số 1052, tờ bản đồ số 7 diện tích 312m²); 01 thửa đất ở (thửa số 1317, tờ bản đồ số 7, diện tích 520m²). Vào thời điểm cấp đất hộ mẹ bà có 02 nhân khẩu là mẹ bà và em Nguyễn Ngọc M.

Thửa đất nhà ở có nguồn gốc đất ông bà để lại, do bà quản lý từ trước đến nay. Ngôi nhà trên đất do bà xây dựng năm 1999 với tổng số tiền 40.000.000đ (chi phí từ các nguồn tiền do nhà nước cho 5.000.000đ năm 1999; năm 2018 nhà nước cho thêm 20.000.000đ; còn lại con trai bà tên Phan Quốc H1 cho bà để xây dựng). Thửa lúa số 1052, tờ bản đồ số 7 diện tích 312m² đã bị thu hồi, được nhận đền bù từ Dự án giải phóng mặt bằng xây dựng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông phân đoạn 2021-2025 qua địa phận huyện T. Ông M đại diện nhận số tiền 73.039.200đ. Vì thửa đất trên cân đối giao quyền cho 02 nhân khẩu nên số tiền trên ông M được hưởng ½ số tiền trên, ½ số tiền còn lại bà yêu cầu chia theo quy định của pháp luật tức là chia cho 3 người. Ông M đã có nhà riêng. Khi mẹ mất (tháng 9/2022), do mâu thuẫn, ông M cấm bà, đòi chém giết bà nên bà không dám về lo mai táng, chôn cất mẹ. Ông M tự ý xây mộ, chi phí bao nhiêu bà không biết. Bà không thống nhất chi phí mai táng phí, xây mồ mả mà ông M đưa ra.

Việc ông M yêu cầu chia di sản là các thửa đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N là thửa đất số 7312, tờ bản đồ số 7 diện tích 520 m² thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12 diện tích 707m² và thửa đất số 208, tờ bản đồ số 12 diện tích 384m² thì bà chỉ thống nhất chia các thửa đất lúa; thửa đất 1317 có nhà ở thì bà không đồng ý chia, do bà phải thờ cúng cha mẹ bà, ngôi nhà trên đất có một phần do nhà nước cho xây dựng nên để thờ cúng cha bà là liệt sĩ. Bà yêu cầu nhận bằng tiền. Sau khi Tòa án tiến hành định giá tài sản các tài sản tranh chấp ngôi nhà đã hết giá trị khấu hao nên có giá 0 đồng, bà đã chi phí làm lại 03 bộ cửa chính 4.500.000đ, 02 bộ cửa sổ 2.400.000đ, tường rào cổng ngõ, 02 cổng nhà bếp làm năm 2020 làm 3.300.000đ và thống nhất giá của các loại đất.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày: Ông thống nhất như trình bày của bà L về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế, người thừa kế. Mẹ chết không để lại di chúc gì.

Thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ gia đình hộ gia đình mẹ Nguyễn Thị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 thửa đất lúa, 01 thửa đất nhà ở (như bà L khai nói trên), thời điểm cân đối giao quyền có 02 nhân khẩu là mẹ ông và ông. Thửa đất nhà ở có nguồn gốc ông bà để lại hiện do bà L quản lý từ trước đến nay. Thửa lúa số 1052, tờ bản đồ số 7 diện tích 312m² đã bị thu hồi và được nhận đền bù từ dự án giải phóng mặt bằng xây dựng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông phân đoạn 2021-2025 qua địa phận huyện T, ông đại diện nhận số tiền 73.039.200đ.

Bà N khi còn sống thì do vợ chồng ông nuôi dưỡng, khi đau yếu thì vợ chồng ông chăm sóc, khi chết (vào tháng 9/2022) thì vợ chồng bà lo ma chay, mai táng, xây mộ. Chi phí vợ chồng đã bỏ ra tổng cộng là 181.111.000đ. Còn bà L, bà X thì không hề chăm sóc hay lo lắng gì cho mẹ, khi mẹ chết cũng không lo ma chay hay đóng góp gì.

Nay bà L yêu cầu chia di sản thừa kế là 1/2 số tiền 73.039.200đ - về khoản đền bù khi thu hồi thửa lúa số 1052, tờ bản đồ số 7 diện tích 312m² do dự án giải phóng mặt bằng xây dựng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông phân đoạn 2021-2025. Ông cũng thống nhất phân chia, nhưng phải tính trừ đi chi phí mai táng, xây dựng mồ mả thờ cúng mẹ Nguyễn Thị N. Đồng thời ông có yêu cầu phản tố, yêu cầu chia các thửa đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N là thửa đất số 7312, tờ bản đồ số 7, diện tích 520m², thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12, diện tích 707m², thửa đất số 208, tờ bản đồ số 12, diện tích 384m² và yêu cầu nhận hiện vật. Riêng phần đất ông được cân đối giao quyền trong hộ thì ông yêu cầu nhận và chia di sản là quyền sử dụng đất của mẹ ông. Trừ phần tài sản ngôi nhà mà bà L xây dựng do nhà nước hỗ trợ và trừ chi phí vợ chồng ông đã chi để lo cho mẹ. Hiện ông đang quản lý 02 thửa đất lúa (cho ông Lê Thanh Đ thuê đất canh tác) và 03 Giấy chứng nhận QSD của 03 thửa đất nói trên.

Sau khi Toà án tiến hành định giá tài sản các tài sản tranh chấp ngôi nhà đã hết giá trị khấu hao nên có giá 0 đồng; bà L đã chi phí làm lại 03 bộ cửa chính 4.500.000đ, 02 bộ cửa sổ 2.400.000đ, tường rào cổng ngõ, 02 cổng nhà bếp làm năm 2020 làm 3.300.000đ và ông thống nhất giá của các loại đất.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị X trình bày: bà và ông Nguyễn Ngọc M là chị em cùng mẹ khác cha, bà thống nhất như bà L trình bày về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế, di sản thừa kế do mẹ Nguyễn Thị N để lại. Bà không thống nhất chi phí mai táng phí, xây mồ mả trên. Việc ông M yêu cầu chia di sản là thửa đất lúa số 1052, tờ bản đồ số 7 diện tích 312m² ông còn yêu cầu chia các thửa đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị N là thửa đất số 7312, tờ bản đồ số 7 diện tích 520m², thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12 diện tích 707m², thửa đất số 208, tờ bản đồ số 12 diện tích 384m². Bà chỉ thống nhất chia các thửa đất lúa, thửa đất có đất nhà ở bà không thống nhất chia. Bà yêu cầu nhận bằng tiền. Cha mẹ chết không có để lại di chúc gì.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Huỳnh Nữ H trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Ngọc M. Bà N khi còn sống thì do vợ chồng bà nuôi dưỡng, khi đau yếu thì vợ chồng bà chăm sóc, khi chết thì vợ chồng bà lo ma chay, mai táng, xây mộ. Chi phí đã bỏ ra rất lớn (181.111.000đ). Còn bà L, bà X thì không hề chăm sóc hay lo lắng gì cho mẹ, khi mẹ chết cũng không về, không đóng góp gì trong việc mai táng, xây mộ. Có thừa đất ruộng nhà nước thu hồi đền bù được 73 triệu, giờ hai bà đòi chia. Bà không đồng ý chia. Nếu chia thì đề nghị Tòa chia tất cả các thửa đất trong hộ cấp cho mẹ, phải tính trừ chi phí vợ chồng bà đã chi để lo cho mẹ. Gia đình bà không có nhu cầu nhận đất ruộng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Đ trình bày: Ông là hàng xóm của ông M. Ông có thuê của ông M 02 thửa đất lúa, giá thuê thỏa thuận miệng là 60kg lúa/500m² đất; hàng năm cứ hết hạn thì được gia hạn thuê tiếp. Ông hiện canh tác 02 thửa đất lúa theo diện tích tổng số đo, không tranh chấp gì tứ cận xung quanh. Ông không có yêu cầu gì.

Theo kết quả định giá ngày 13/3/2024 thì:

Thửa đất số 1317, tờ bản đồ số 7, diện tích 520m² (200m² đất ở, 320m² đất trồng cây hàng năm khác). Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do bà L xây dựng năm 1999, đã hết khấu hao, giá trị: 0 đồng.

Đất ở nông thôn, đơn giá nhà nước là: 150.000đ/m², có giá thị trường là: 200.000đ/m²; Đất trồng cây hàng năm khác có đơn giá là: 111.000đ/m², có giá thị trường là: 150.000đ/m².

Thửa số 184, tờ bản đồ số 12, diện tích 707m²; Đất lúa hạng 2, vị trí 1, đơn giá: 82.000đ/m²; có giá thị trường là: 100.000đ/m²;

Thửa số 208, tờ bản đồ số 12, diện tích 384m²; Đất lúa hạng 2, vị trí 2, đơn giá: 71.000đ/m²; có giá thị trường là: 80.000đ/m²;

Bà L đang quản lý thửa đất số 1317 có nhà; 02 thửa đất lúa (208 và 184) hiện ông M đang quản lý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, cơ bản đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn còn vài vi phạm; việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự đúng theo quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Ngô Thị L, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc M: Giao bà L được quyền sử dụng thửa đất số 1317, tổng trị giá 88.000.000đ; trong đó kỷ phần thừa kế bà L được chia là 40.409.866đ; bà L nhận vượt quá giá trị là 47.590.134; Buộc bà L

giao lại bà X ký phần thừa kế của X được chia với số tiền: 40.409.866đ; giao lại ông M số tiền: 7.180.268đ;

Giao ông M được quyền sử dụng 02 thửa đất lúa trị giá 101.420.000đ (thửa số 184, tờ bản đồ số 12, diện tích 707m²; thửa số 208, tờ bản đồ số 12, diện tích 384m², đất và Giấy CNQSD đất hiện ông đang quản lý) và số tiền 6.519.600đ (tiền bồi thường thửa đất 1052 sau khi trừ đi chi phí mai táng còn lại); tổng trị giá 107.939.600đ. Mà ông M phải được chia: giá trị quyền sử dụng đất ông M được cấp trong hộ: 74.710.000đ; ký phần thừa kế được chia: 40.409.866đ. Do vậy, buộc bà L giao lại cho ông M số tiền 7.180.268đ là đủ. Buộc ông M giao lại Giấy chứng nhận QSD đất thửa 1317 cho bà L sử dụng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà L, bà X không đồng ý chia thừa kế thửa đất số 1317 (có nhà); không chấp nhận yêu cầu của ông M về việc đòi khấu trừ tổng chi phí ma chay, xây mộ cho cụ Nguyễn Thị N 181.111.000đ - vì không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về án phí, chi phí định giá theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị X, ông Lê Thanh Đ, anh Phan Quốc H1; người làm chứng gồm: ông Phan Trường D, bà Tạ Thị L1, bà Nguyễn Thị H2, bà Phan Thị M1, bà Huỳnh Thị S - vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị N chết tháng 9/2022; ngày 15/8/2023 bà Ngô Thị L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ N là số tiền 36.579.600đ; ngày 26/02/2024 ông Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ N là quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã A, huyện T - theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế vẫn còn.

[3] Về những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị N:

Cụ Nguyễn Thị N có 03 con ruột là bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị X. và ông Nguyễn Ngọc M. Cụ N chết không để lại di chúc. Cụ không có con riêng, con nuôi nào khác. Căn cứ quy định tại Điều 613, Khoản 1 Điều 651, Điều 652 BLDS, có cơ sở để xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ N là: bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Ngọc M (03 người con ruột).

Khi còn sống cụ N ở cùng ông M, khi cụ chết, ông M lo mai táng, xây mộ cho cụ.

[4] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất: Cụ Nguyễn Thị N có di sản là một phần hai các thửa đất được cấp gồm: 03 thửa đất lúa và 01 thửa đất có nhà ở, cụ thể:

- Thửa đất số 1317, tờ bản đồ số 7, diện tích 520m² (200m² đất ở, 320m² đất trồng cây hàng năm khác). Đất có nguồn gốc do ông bà để lại. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do bà L xây dựng năm 1999, đã hết khấu hao, giá trị: 0 đồng.

Đất ở nông thôn, đơn giá nhà nước là: 150.000đ/m², có giá thị trường là: 200.000đ/m²; Đất trồng cây hàng năm khác có đơn giá là: 111.000đ/m², có giá thị trường là: 150.000đ/m². Đất này do ông bà để lại.

- Thửa số 184, tờ bản đồ số 12, diện tích 707m²; Đất lúa hạng 2, vị trí 1, đơn giá: 82.000đ/m²; có giá thị trường là: 100.000đ/m²;

- Thửa số 208, tờ bản đồ số 12, diện tích 384m²; Đất lúa hạng 2, vị trí 2, đơn giá: 71.000đ/m²; có giá thị trường là: 80.000đ/m²;

Đất đều tọa lạc tại thôn Đ, xã A, T, Bình Định. Đất cấp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Tại thời điểm cấp đất, hộ cụ N có 02 nhân khẩu gồm cụ N và ông M. Đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận QSD đất (số H06544, số H06545 và H06546 ngày 25/5/2009 hiện đều do ông M quản lý) cho hộ cụ Nguyễn Thị N.

Thửa đất số 1052, tờ bản đồ số 7, diện tích 312m² (đất cấp cho hộ cụ N) đã bị thu hồi khi nhà nước thực hiện dự án đường cao tốc Bắc Nam phía đông, phân đoạn 2021-2025 qua địa phận huyện T, ông M đại diện nhận số tiền đền bù là 73.039.200đ.

Đây là các tình tiết mà cả nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử công nhận.

Như vậy, di sản thừa kế cụ N để lại gồm: 200m² đất ở, 160m² đất trồng cây hàng năm khác, 545,5m² đất lúa và 36.519.600đ (1/2 tiền đền bù thửa đất 1052) tổng trị giá di sản: 151.229.600đ.

[5] Ông M đã chăm sóc và lo mai táng, xây mộ cho cụ N. Áp dụng các quy định về tính công mai táng, chấp nhận chi phí mai táng với số tiền là 30.000.000đ. Ông M yêu cầu thanh toán tổng chi phí ma chay, chi phí xây mộ cho cụ N với số tiền 181.111.000đ là không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

Như vậy, khấu trừ phần chi phí mai táng này trong giá trị di sản, phần di sản còn lại để phân chia là: 121.229.600đ

[6] Phân chia di sản theo trị giá: một kỷ phần thừa kế đất ở của cụ N: (200m² đất ở trong thửa đất 1317) có giá trị: 13.333.333đ (tương đương 66,66m²) và một kỷ phần thừa kế đất nông nghiệp của cụ N có giá trị: 21.014.668đ (tương đương 271,435m² đất). Không đảm bảo cắt thửa theo quy định. Tổng giá trị 01 kỷ phần là: 40.409.866đ.

[7] Phân chia di sản bằng hiện vật: Qua điều tra xác minh thì bà L quản lý, sử dụng đất tại thửa số 1317 từ trước đến nay (có xây dựng nhà ở); ông M quản lý 02

thừa đất lúa còn lại; bà X đã có nhà riêng. Các bên đều yêu cầu phân chia di sản của mẹ theo quy định pháp luật. Đảm bảo quyền cư trú, sử dụng đất phục vụ sản xuất nông nghiệp; căn cứ các quy định tại các Điều 610, 612 và 620 của BLDS năm 2015 nghị nên phân chia như sau:

Giao bà L được quyền sử dụng thửa đất số 1317, tờ bản đồ số 7, diện tích 520m² (200m² đất ở, 320m² đất trồng cây hàng năm khác), trị giá 88.000.000đ; trong đó kỹ phần thừa kế bà L được chia là 40.409.866đ; bà L nhận vượt quá phần được chia là 47.590.134; Buộc bà L phải giao lại cho bà X kỹ phần thừa kế của X được chia với số tiền: 40.409.866đ; giao lại ông M số tiền: 7.180.268đ;

Phần ông M được chia gồm: giá trị quyền sử dụng đất ông M được cấp trong hộ: 74.710.000đ + 01 kỹ phần thừa kế: 40.409.866đ = 115.119.866đ. Giao ông M được quyền sử dụng 02 thửa đất lúa (thửa số 184, tờ bản đồ số 12, diện tích 707m² và thửa số 208, tờ bản đồ số 12, diện tích 384m²) trị giá: 101.420.000đ và tiền mặt 6.519.600đ (1/2 phần tiền bồi thường thửa đất 1052 còn lại sau khi trừ đi chi phí mai táng); tổng cộng ông M được nhận: 107.939.600đ - ít hơn so với phần ông được chia. Do đó, buộc bà L giao lại ông M 7.180.268đ là đủ. Buộc ông M giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 242035 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 25/5/2009 (đối với thửa đất số 1317) cho bà L sử dụng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cần buộc:

Ông M chịu án phí: 101.420.000đ x 5% = 5.071.000đ; được khấu trừ vào 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước

Bà L, bà X đều là người cao tuổi, được miễn án phí.

[9] Về chi phí định giá: Tổng chi phí định giá là 5.000.000đ do ông M đã dự nộp. Bà L phải giao lại ông M 2.000.000đ; bà X phải giao lại ông M 1.000.000đ; ông M phải tự chịu 2.000.000đ (đã nộp xong).

[10] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều: 609, 610, 611, 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc M:

1.1. Giao bà Ngô Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 1317, tờ bản đồ số 7, diện tích 520m² (200m² đất ở, 320m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bình Định; trị giá 88.000.000đ; trong đó kỷ phần thừa kế bà L được chia là 40.409.866đ;

Buộc bà Ngô Thị L giao lại bà Ngô Thị X số tiền: 40.409.866đ về khoản kỷ phần thừa kế của X được chia; buộc bà Ngô Thị L giao lại ông Nguyễn Ngọc M số tiền: 7.180.268đ về khoản chênh lệch giá trị tài sản được chia.

1.2. Giao ông Nguyễn Ngọc M được quyền sử dụng 02 thửa đất lúa (thửa số 184, tờ bản đồ số 12, diện tích 707m² và thửa số 208, tờ bản đồ số 12, diện tích 384m² - tại thôn Đại Chí, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định) và tiền mặt 13.699.600 (gồm: 6.519.600đ là 1/2 khoản tiền bồi thường thửa đất 1052 còn lại sau khi trừ đi chi phí mai táng - ông M đang quản lý và 7.180.268đ do bà L giao lại). Đất và Giấy chứng nhận QSD hai thửa đất lúa hiện ông M đang quản lý.

Buộc ông Nguyễn Ngọc M giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 242035 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 25/5/2009 (đối với thửa đất số 1317, tờ bản đồ số 7, diện tích 520m²) cho bà L sử dụng.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị X không đồng ý chia thừa kế thửa đất số 1317, tờ bản đồ số 7, diện tích 520m² (có nhà); không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc M về việc đòi khấu trừ tổng chi phí ma chay, xây mộ cho cụ Nguyễn Thị N với số tiền 181.111.000đ - vì không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm, chi phí định giá:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí với số tiền là 5.071.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0003527 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn. Ông M còn phải nộp tiếp 4.771.000đ.

Bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị X đều là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3.2. Về chi phí định giá: Buộc bà Ngô Thị L phải giao lại ông Nguyễn Ngọc M 2.000.000đ; buộc bà Ngô Thị X phải giao lại ông Nguyễn Ngọc M 1.000.000đ; ông Nguyễn Ngọc M phải chịu 2.000.000đ (đã nộp xong).

4. Quyền kháng cáo:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Giang Nam

- Giao cụ Nguyễn Thị Mai được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 1586, tờ bản đồ số 14, diện tích 553,4m² (tại Phú Hiệp, Tây Phú, Tây Sơn, Bình Định) có giá trị 1.430.100.000đ (trong đó: phần đất bà được cấp trị giá 758.969.000đ; phần được hưởng thừa kế: 252.989.666đ).

- Buộc cụ Mai phải giao lại cho bà Nguyễn Thị Cải: 418.141.332đ ; trong đó: 165.151.666đ là kỹ phần thừa kế được chia và 252.989.666đ là phần do bà Nguyễn Thị Đào tặng cho; đồng thời bà Cải còn được quyền sử dụng 03 thửa đất gồm: thửa đất số 885^D, tờ bản đồ số 12, diện tích 250m²; thửa số 1045a, tờ bản đồ số 12, diện tích 320m²; thửa đất số 783b, tờ bản đồ số 11, diện tích 320m² (hiện bà Cải đang quản lý)

Các thửa đất nói trên đều tọa lạc tại thôn Phú Hiệp, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, Bình Định, được cấp theo Giấy chứng nhận QSD đất số ngày 30/9/2014, do UBND huyện Tây Sơn cấp.

6.1. Về người thừa kế theo pháp luật:

Cụ Nguyễn Tân (chết năm 2007) và cụ Nguyễn Thị Mai là vợ chồng, hai cụ không có con ruột, có một con gái nuôi là bà Nguyễn Thị Cải. Trong thời kỳ hôn nhân, cụ Tân còn chung sống như vợ chồng với bà Đỗ Thị Bảy, sinh được 01 người con gái là bà Nguyễn Thị Đào. Cha mẹ ruột cụ Tân đều đã chết. Cụ Tân chết không để di chúc. Căn cứ quy định tại Điều 613, Khoản 1 Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự, có cơ sở để xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Tân gồm: cụ Mai, bà Cải (con nuôi), bà Đào (con ruột).

6.2. Về di sản thừa kế: Căn cứ các quy định pháp luật, xác định di sản cụ Tân để lại chưa chia là $\frac{1}{2}$ các tài sản gồm: Thửa đất số 1586, tờ bản đồ số 14, diện tích 553,4m² (200m² đất ở, 353,4m² đất trồng cây hàng năm khác) có giá 1.430.510.000đ; thửa đất số 885^D, tờ bản đồ số 12, diện tích 250m² có giá 17.750.000đ; thửa số 1045^a, tờ bản đồ số 12, diện tích 320m² có giá 26.240.000đ; thửa đất số 783^b, tờ bản đồ số 11, diện tích 320m² có giá 43.848.000đ. Tức là di sản có giá trị: $1.517.938.000đ/2 = 758.969.000đ$, tương đương: 100m² đất ở; 176,7m² đất trồng cây hàng năm khác; 445m² đất lúa.

6.3. Phân chia di sản theo trị giá: Một kỹ phần thừa kế của cụ Tân có giá: $758.969.000đ/3 = 252.989.666đ$ (tương đương: 33,33m² đất ở + 58,9m² đất trồng cây hàng năm khác + 148,33m² đất lúa).

6.4. Phân chia di sản bằng hiện vật: Xét thực tế việc quản lý, sử dụng đất và yêu cầu các bên, nghị nên giao cụ Nguyễn Thị Mai được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 1586, tờ bản đồ số 14, diện tích 553,4m² (tại Phú Hiệp, Tây Phú, Tây Sơn, Bình Định) có giá trị 1.430.100.000đ (trong đó: phần đất bà được cấp trị giá 758.969.000đ; phần được hưởng thừa kế: 252.989.666đ). Cụ Mai nhận phần thừa kế vượt quá so với kỹ phần được hưởng, cần buộc cụ Mai phải giao lại cho bà Cải: 165.151.666đ; bà Cải được quyền sử dụng 03 thửa đất gồm: thửa đất số 885^D, tờ bản đồ số 12, diện tích 250m²; thửa số 1045a, tờ bản đồ số 12, diện tích 320m²; thửa đất số 783b, tờ bản đồ số 11, diện tích 320m² (hiện bà Cải đang quản lý). Đồng thời, công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Đào về việc tặng cho kỹ phần thừa kế, bà Cải còn được nhận số tiền: 252.989.666đ (phần bà Đào tặng cho)